

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ BÌNH ĐỊNH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ BÌNH ĐỊNH

Năm 2020

I. THÔNG TIN CHUNG

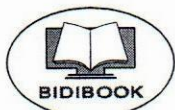
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Định theo Quyết định số 485/QĐ-CTUBND ngày 28 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 3503000141 ngày 02 tháng 07 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định với mã số doanh nghiệp 4100259437 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được điều chỉnh gần nhất vào ngày 11/05/2020), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty là đơn vị thành viên của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Ngày 25/12/2009, Công ty đã niêm yết cổ phiếu với mã chứng khoán là BDB tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên là 29/01/2010

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 11.264.740.000 đồng tương ứng: 1.126.474 cổ phiếu.

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ BÌNH ĐỊNH**
- Tên tiếng Anh: **Bình Định Book and Equipment Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **BIDIBOOK**
- Địa chỉ: **219 Nguyễn Lữ, P. Ngô Mây, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**
- Điện thoại: **0256.3522645 – 0256.3522453**
- Fax: **0256.3522853**
- Email : **bidisabico@vnn.vn**
- Website: **<http://www.sachthietbibinhdinhh.com.vn/>**
- Logo:



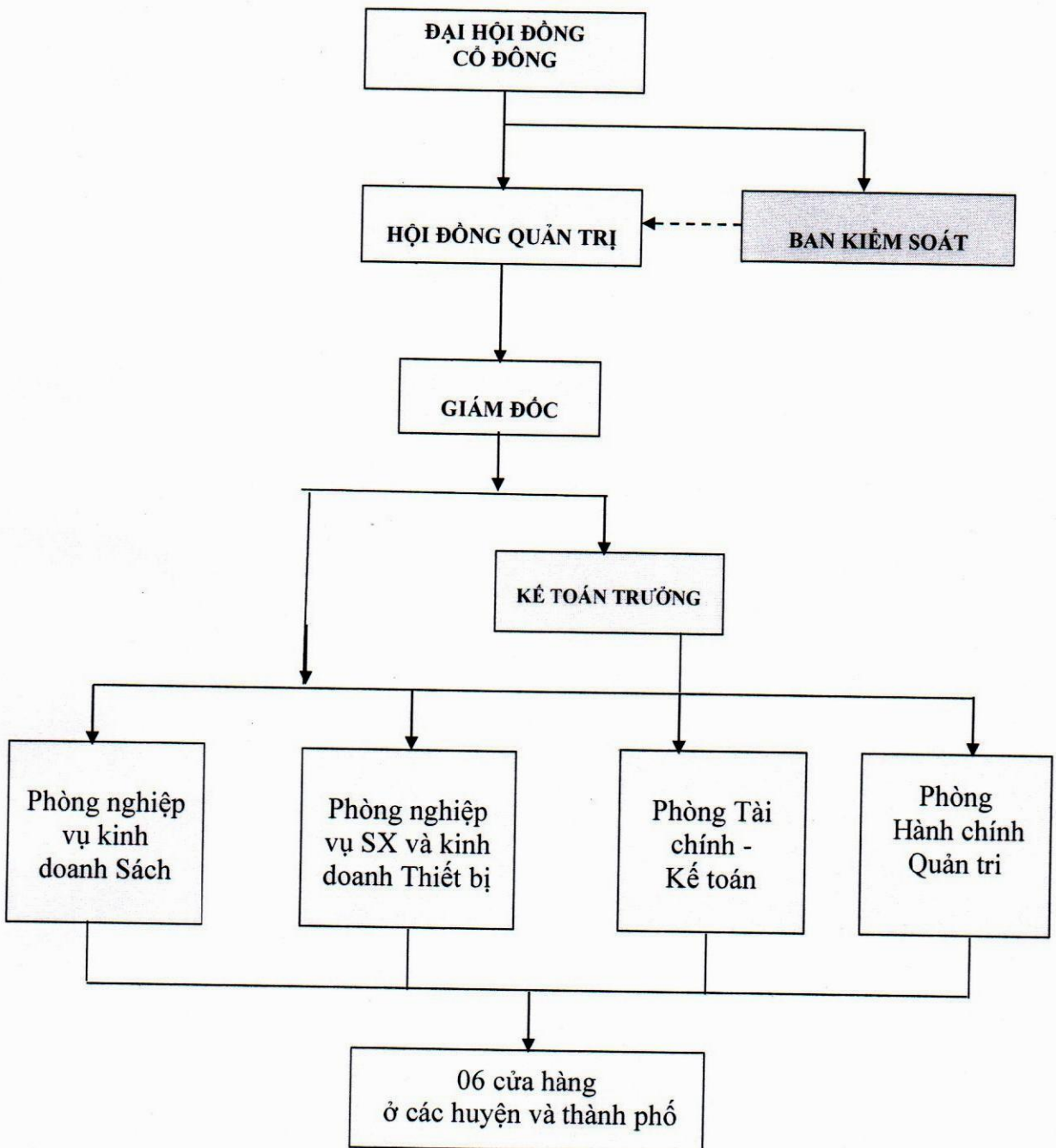
BIDIBOOK

+ **Ngành nghề kinh doanh chính**

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em; Mua bán văn hoá phẩm, vật phẩm văn hoá; mua bán thiết bị dạy học, dạy nghề và thiết bị văn phòng; Mua bán sách giáo khoa, sách các loại, văn phòng phẩm; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất trong tự)
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa ;
- Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- In lụa;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lập trình máy vi tính (Chi tiết: Sản xuất phần mềm tin học);
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, vật tư ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu .Chi tiết: Mua bán bao bì các loại;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất bao bì các loại.
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tẻt bện. Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ

- Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện và giấy phép theo quy định của pháp luật
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế, và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh
- + Trụ sở chính của Công ty có diện tích gần 2.200m² tọa lạc tại thành phố Quy Nhơn – trung tâm tỉnh lỵ, Công ty có 6 cửa hàng bán sỉ – lẻ nằm tại trung tâm thành phố và phân bố đều tại trung tâm các huyện/thị xã của Tỉnh .

- Cơ cấu tổ chức của công ty :



- + Đại hội Đồng cổ đông : là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- + Hội đồng quản trị : Gồm có 05 người.
- + Ban Kiểm soát : Gồm có 03 người.
- + Ban Giám đốc và Kế toán trưởng : Giám đốc và Kế toán trưởng.

- + Cơ cấu Công ty gồm :
- 04 phòng chức năng : Phòng kinh doanh Sách, Phòng SX - Kinh doanh Thiết bị, phòng Tài chính – Kế toán và phòng Hành chính - Quản trị;
- 06 cửa hàng được phân bố đều các huyện và thành phố

Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :

Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định là đơn vị hậu cần của ngành giáo dục, lấy kinh doanh làm phương tiện để đạt mục đích là lợi nhuận. Không ngừng mở rộng và phát triển các ngành nghề, nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của ngành giáo dục và của xã hội, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty, cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tăng cường và đầu tư thích đáng về mọi mặt cho hoạt động tiếp thị để chiếm lĩnh thị trường, nâng cao doanh thu, thu nhập;
- Bằng nhiều biện pháp, mở rộng hệ thống bán lẻ, nhà sách;
- Mở rộng ngành nghề kinh doanh, tận dụng những lợi thế sẵn có của Công ty nhằm tăng doanh thu, thu nhập.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

+ Kết quả hoạt động SXKD trong năm

Năm 2020, kinh tế nước ta nói chung và tỉnh Bình Định nói riêng bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid 19 trong quý I, đầu quý II và tái bùng phát trong quý III . Cách ly toàn xã hội, sản xuất kinh doanh phải tạm ngừng hoạt động.

Nhận thức được tình hình trên, sau cách ly Công ty chủ động trong hoạt động kinh doanh song song hai nhiệm vụ, vừa đảm bảo phòng và chống dịch tốt, vừa phục vụ sản xuất kinh doanh để phục vụ tốt nhu cầu sách và thiết bị trong dạy và học trong toàn tỉnh. Trong năm 2020 toàn thể CBCNV đã cố gắng phấn đấu thực hiện nhiệm vụ, công tác của mình, tìm mọi biện pháp để vượt qua khó khăn và đạt được kết quả như sau:

Chi tiêu	TH 2019 (1.000đ)	KH 2020 (1.000đ)	TH 2020 (1.000đ)	So Sánh (%)	
				TH 2019	KH 2020
1- Tổng doanh thu	51.246.196	50.000.000	62.627.741	122.21	125.25
Trong đó : Doanh thu về bán hàng hóa, DV	50.341.093	49.700.000	62.032.400	123.22	124.81
2- Tổng chi phí	49.959.086	48.400.000	60.434.934	120.97	124.87
Trong đó: Giá vốn hàng bán	44.876.946	44.730.000	55.380.001	123.40	123.81
3- Tỷ lệ giá vốn/Doanh thu thuần (%)	89.15	89.46	89.28	100.15	99.79
4- Lợi nhuận trước thuế	1.382.007	1.300.000	1.597.466	115.59	122.88

- Năm 2020, Ban giám đốc Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Tổng doanh thu đạt 125,25% so với kế hoạch, vượt 22,21% so với năm trước. Lợi nhuận trước thuế tăng 22,88% so với cùng kỳ, đạt 115,59 so với kế hoạch Nguyên nhân:

- Năm 2020 Công ty giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ trong tỉnh, có cơ chế về chiết khấu bán hàng linh hoạt, phù hợp với thị trường từng thời điểm, từng khách hàng và phù hợp với chủ trương của NXBGD, thực hiện tốt việc cung ứng sách lớp 1 đến tận các trường tiểu học trong toàn tỉnh, cùng với việc mở rộng thị trường bán hàng văn phòng phẩm, vở và máy tính casio đã làm doanh thu của Công ty tăng vượt so với kế hoạch đã đề ra.

- Công ty tiếp tục liên doanh, liên kết hoặc cho thuê một số mặt bằng để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và cơ sở vật chất.

- Tiết kiệm nên chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp .

2. Tổ chức và nhân sự

- Ban điều hành của Công ty : gồm 2 người

- Ông Phạm Đình Thuần - Giám đốc Công ty

- Bà Diệp Cẩm Nhung - Kế toán trưởng

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

* Ông : Phạm Đình Thuần - Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT – Giám đốc công ty

Sinh ngày: 16 – 02 – 1964

Quê quán: Nhơn Mỹ, An Nhơn, Bình Định

Địa chỉ thường trú: 11/4 Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Kế toán

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 14.500 cổ phần

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không

* Bà: Diệp Cẩm Nhung - Chức vụ : Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng

Sinh ngày: 24 – 07 -1968

Quê quán: Xã Hoài Xuân, Hoài Nhơn, Bình Định

Địa chỉ: 216 Nguyễn Thị Định, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Kế toán

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 1.896 cổ phần

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không

+ Tổng số công nhân viên của Công ty hiện có đến tại thời điểm 31/12/2020 là 29 người.

+ Chính sách đối với người lao động :

- Công ty thực hiện việc ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

- Xây dựng và thực hiện Quy chế lương, thưởng trong toàn Công ty theo đúng quy định. Mức lương trả cho người lao động được xây dựng trên cơ sở mức lương tối thiểu trên địa bàn tỉnh. Mức thu nhập bình quân năm 2020 là 7.200.000đ/người/tháng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

+ Trong năm 2020, Công ty không thực hiện đầu tư dự án nào.

4. Tình hình tài chính

* Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	TH 2019 (1.000đ)	TH 2020 (1.000đ)	% tăng giảm
1- Tổng giá trị tài sản	16,955,048	17,811,611	5.05
2- Doanh thu thuần	50.341.093	62.032.400	23.22
3- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	834,021	1,491,982	78.89
4- Lợi nhuận khác	547,986	105,484	- 80.75
5- Lợi nhuận trước thuế	1,382,007	1,597,466	54.25
4- Lợi nhuận sau thuế	707,042	1,090,073	15.59
5- Tỷ lệ trả cổ tức	7%	7,5%	

*** Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

	Năm 2019	Năm 2020
+ Khả năng thanh toán :		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	3,37	3,22
- Hệ số T.toán nhanh [(TSNH - hàng tồn kho)/Nợ N.hạn]	1,39	1,94

*** Năng lực hoạt động**

- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	2,97	3,48
- Vòng quay hàng tồn kho	7,78	9,81

*** Cơ cấu tài sản**

- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0,73	0,76
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	0,27	0,24

*** Cơ cấu nguồn vốn**

+ Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,23	0,24
+ Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	0,77	0,76
+ Khả năng sinh lời :	Năm 2019	Năm 2020
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần :	0,022	0,022
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,084	0,10
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,064	0,077
- Hệ số lợi nhuận từ HĐ kinh doanh/Doanh thu thuần	0,017	0,024

*** Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cơ cấu vốn cổ đông tại thời điểm 26/02/2020	Số Cổ phần	Giá trị (1000đ)	Tỷ lệ
1- Cổ đông là Nhà nước (NXBGDVN)	452,523	4,525,230	40.17
2 – Cổ đông khác	673,951	6,739,510	59.83
- Tổ chức	306.950	3,069,500	27.25
- Cá nhân	367.001	3,670,010	32.57
3- Cổ đông nội bộ	16,896	168,960	1.50
- HĐQT, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	16,396	163,960	1.46
- Ban Kiểm soát	500	5,000	0.04

* Tổng số cổ phiếu đến thời điểm 31/12/2020 : 1.126.474 cổ phiếu. Trong đó

- Tổng số cổ phiếu thường : 1.126.474 cổ phiếu

- Tổng số cổ phiếu ưu đãi : Không
- * Tổng số trái phiếu đang lưu hành đến thời điểm 31/12/2020 : Không (theo từng loại trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...)
- * Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đến thời điểm 31/12/2020 là: 1.126.474 cổ phiếu.
- * Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại : Không
- * Cổ tức : cổ tức công bố chia cho cổ đông là: 7,5%/năm, tương đương với số tiền là : 844.835.550đ

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020, mặc dù kinh tế nước ta bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh covid – 19 vào thời điểm cuối quý I, đầu quý II và tái bùng phát ở quý III. Xã hội phải cách li, sản xuất kinh doanh phải ngừng hoạt động. Nhận thức được tình hình trên, sau cách ly Công ty chủ động trong hoạt động kinh doanh song song hai nhiệm vụ, vừa đảm bảo phòng và chống dịch tốt, vừa phục vụ sản xuất kinh doanh để phục vụ tốt nhu cầu sách và thiết bị trong dạy và học trong toàn tỉnh. Nhờ sự chỉ đạo sâu sát và kịp thời của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng và Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty đã cố gắng khắc phục khó khăn, tìm nhiều giải pháp để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đã đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	TH 2019 (1.000đ)	KH 2020 (1.000đ)	TH 2020 (1.000đ)	So Sánh (%)	
				TH 2019	KH 2020
1- Tổng doanh thu	51.246.196	50.000.000	62.627.741	122,21	125,25
Trong đó : Doanh thu về bán hàng hóa, DV	50.341.093	49.700.000	62.032.400	123,22	124,81
2- Tổng chi phí	49.959.086	48.400.000	60.434.934	120,97	124,87
Trong đó: Giá vốn hàng bán	44.876.946	44.730.000	55.380.001	123,40	123,81
3- Tỷ lệ giá vốn/Doanh thu thuần (%)	89,15	89,46	89,28	100,15	99,79
4- Lợi nhuận trước thuế	1.382.007	1.300.000	1.597.466	115,59	122,88
5- Lợi nhuận sau thuế	1.090.073	1.040.000	1.365.087	125,23	131,26

- Năm 2020, Ban giám đốc Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, chủ động tìm biện pháp mở rộng địa bàn tiêu thụ. Thực hiện tốt cơ chế bán hàng sách giáo khoa, sách bài tập và giá bán văn phòng phẩm linh hoạt, phù hợp với

thị trường từng thời điểm, từng khách hàng, chính vì vậy doanh thu năm 2020 vượt 25,25% so với kế hoạch, 22,21% so với cùng kỳ năm trước.

- Về lợi nhuận trước thuế: năm 2020 tăng 22,88% so kế hoạch và 15,59% so với năm trước.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2020 tăng 31,26% so với kế hoạch và 25,23% so với năm trước.

Sử dụng vốn hợp lý và đem lại hiệu quả sử dụng vốn cao đã góp phần làm tăng lợi nhuận của Công ty

2. Tình hình tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT NĂM 2020:

TÀI SẢN	Số cuối năm (31/12/2019)	Số cuối năm (31/12/2020)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	12.404.796.394	13.500.196.182
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.336.339.547	2.053.287.481
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	4.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.979.797.953	2.306.941.164
VI. Hàng tồn kho	7.055.741.200	5.122.183.931
V. Tài sản ngắn hạn khác	32.917.694	17.783.606
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	4.550.252.064	4.311.415.028
I. Các khoản phải thu dài hạn		
II. Tài sản cố định	4.492.447.954	4.165.283.158
Trong đó:		
1- Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình	1.131.326.487	901.557.963
+ Nguyên giá TSCĐ hữu hình	5.668.238.150	5.668.238.150
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(4.536.911.663)	(4.766.680.187)
2 – Giá trị còn lại TSCĐ vô hình	3.361.121.467	3.263.725.195
+ Nguyên giá TSCĐ vô hình	4.038.215.400	4.038.215.400
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(677.093.933)	(774.490.205)
3 – Chi phí XD CB dở dang		
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
VI. Tài sản dài hạn khác	57.804.110	146.131.870
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	16.955.048.458	17.811.611.210

TÀI SẢN	Số cuối năm (31/12/2019)	Số cuối năm (31/12/2020)
C. NỢ PHẢI TRẢ	3.962.262.172	4.241.671.407
I. Nợ ngắn hạn	3.674.262.172	4.193.671.407
II. Nợ dài hạn	288.000.000	48.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	12.992.786.286	13.569.939.803
I. Vốn đầu tư chủ sở hữu	11.264.740.000	11.264.740.000
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	16.955.048.458	17.811.611.210

- Tình hình tài sản:

Tổng tài sản cuối năm biến động không đáng kể so với đầu năm (tăng 5,1%). Trong đó hàng tồn kho cuối năm giảm 27,24%, Nợ phải thu tăng 17,23%, đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 200% nên tổng tài sản tăng 5,1%.

- Tình hình nguồn vốn

Tương tự như tài sản, nguồn vốn đầu năm so cuối năm cũng không biến động nhiều (tăng 5,1%). Trong đó nợ phải trả cuối năm 2020 tăng 7,05%; vốn chủ sở hữu tăng 4,44%. Nguyên nhân: Lợi nhuận cuối năm 2020 chưa phân phối và việc nhập hàng hóa vào thời điểm cuối năm nên làm cho nợ phải trả tăng.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

+Phương hướng chung.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ trọng bán lẻ, hạ thấp chiết khấu và giảm tỷ trọng bán sỉ;

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp giảm tỷ lệ tồn kho, giảm tỷ lệ mức dư nợ, nhất là cửa hàng công ty;

- Chỉnh trang, sửa chữa lại một số cửa hàng bán lẻ khang trang để phục vụ tốt nhu cầu mua sắm hàng hóa cho người tiêu dùng.

- Tiếp tục tái cơ cấu vốn để giảm tỷ trọng vốn cố định. Khoá hoặc bán một số cửa hàng có hiệu quả kém.

- Tiếp tục khai thác triệt để lợi thế về mặt bằng Công ty tại 219 Nguyễn Lữ TP. Quy Nhơn như: cho thuê; liên doanh, liên kết đầu tư xây dựng trường mẫu giáo hoặc các dịch vụ khác mà Nhà nước không cấm;

- Cơ cấu lại bộ máy để nâng cao hiệu quả công việc, tăng năng suất và thu nhập cho người lao động.

+ Các chỉ tiêu kế hoạch 2021.

STT	Chi tiêu	TH 2020 (1.000đ)	KH 2021 (1.000đ)
01	Tổng doanh thu .	62.627.741	60.000.000
06	Lợi nhuận	1.597.466	1.700.000
07	Cổ tức (%)	7,5	10

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2020, mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid – 19 nhưng Công ty đã chủ động tìm biện pháp để vừa phòng, chống dịch, vừa tiến hành sản xuất kinh doanh để hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD. Trong năm 2020 Công ty tiếp tục khai thác tốt các cơ sở vật chất hiện có, tiếp tục liên doanh, liên kết mở rộng kinh doanh. Sử dụng vốn hợp lý đã tạo nguồn vốn để đầu tư ngắn hạn đã góp phần làm tăng lợi nhuận .

Trong năm Ban Giám đốc Công ty cũng đã tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị và các quy định nội bộ của Công ty, không để ra sai phạm trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, nộp ngân sách đầy đủ, thực hiện tốt chính sách cho người lao động, đảm bảo việc làm và ổn định đời sống cho người lao động trong doanh nghiệp, thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, công tác phúc lợi xã hội.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tiếp tục giữ vững mức độ tăng trưởng doanh thu ; nâng cao tỷ trọng bán lẻ,
- Giữ vững các khách hàng lớn, tìm kiếm các khách hàng có tính ổn định, lâu dài. Giữ vững vai trò chủ đạo trong việc cung ứng Sách và Thiết bị trên địa bàn tỉnh.
- Tiếp tục khai thác triệt để lợi thế về mặt bằng Công ty cho thuê, liên doanh, liên kết ... hoặc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất để kinh doanh dịch vụ khác mà nhà nước không cấm để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận.
- Cơ cấu lại tổ chức Công ty nhằm bảo đảm hoạt động có hiệu quả và nâng cao năng suất lao động.

V. Quản trị Công ty

+ Hội đồng quản trị Công ty gồm có 05 thành viên. Trong đó có 03 thành viên là không tham gia trực tiếp điều hành. Ba thành viên này đại diện cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty CP. Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng, 02 thành viên tham gia trực tiếp điều hành công ty.

+ Số lượng cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

STT	Chức vụ	Cuối năm	
		Số CP	Tỷ lệ %
1	Chủ tịch	450.523	40,00
2	Phó Chủ tịch	15.500	1,38
3	Thành viên	291.950	25,92
4	Thành viên	1.000	0,09
5	Thành viên	1.896	0,17

+ Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên : Không

+ Hoạt động của HĐQT .

Hội đồng quản trị công ty luôn tuân thủ các quy định nội bộ và Điều lệ Công ty, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 và thường xuyên theo dõi, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của Ban điều hành .

+ HĐQT đã tổ chức họp đầy đủ theo định kỳ (mỗi quý một lần). Các cuộc họp đều diễn ra nghiêm túc, đúng quy định, đầy đủ thành phần với nội dung thiết thực. Các nội dung đưa ra bàn bạc đều được thống nhất và biểu quyết với tỷ lệ đồng thuận cao và đã trở thành nghị quyết của HĐQT. Điều này cho thấy trong HĐQT có sự thống nhất cao. Cụ thể năm 2020 HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp .

+ **Lần thứ nhất:** Họp HĐQT vào ngày 16/01/2020.

Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và kế hoạch và giải pháp kinh doanh năm và quý I năm.

Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để tạm ứng cổ tức năm 2019 và tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2020

+ **Lần thứ hai:** Họp HĐQT vào ngày 01/06/2020

- Thống nhất ủy quyền cho Giám đốc sử dụng cơ sở vật của Công ty để thế chấp ngân hàng vay vốn ngân hàng phục vụ cho hoạt động SXKD.

- Giao đơn giá tiền lương và thông qua việc chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC là đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

+ **Lần thứ ba:** Họp HĐQT vào ngày 14/7/2020.

- Thông qua kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2020 và xây dựng kế hoạch, giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh quý III năm 2020;

- Thông qua công tác phát triển cơ sở vật chất;

- Thông qua công tác nhân sự và một số vấn đề khác.

+ **Lần thứ tư:** Họp HĐQT vào ngày 14/10/2020.

- Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV năm 2020.
- Thông qua công tác phát hành Sách giao khoa mới theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 và xử lý sách giáo khoa lớp 1 cũ.
- Thông qua kế hoạch cải tạo mở rộng kho và xây lại cửa hàng Tuy Phước.
- Thông qua việc tái cơ cấu tổ chức bộ máy công ty

b- Về công tác giám sát đối với Ban Điều hành và cán bộ quản lý.

Ngoài việc tiến hành kiểm tra giám sát theo chức trách của từng thành viên HĐQT, việc phân công 02 thành viên HĐQT trực tiếp tham gia điều hành quản lý Công ty, giữ các chức vụ Giám đốc và Kế toán trưởng đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành BĐH và các cán bộ quản lý. Do đó, các thành viên HĐQT đã nắm sâu sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội cổ đông, của HĐQT. Kịp thời chỉ đạo, chấn chỉnh các mặt hoạt động của BĐH và cán bộ quản lý khi có biểu hiện sai lệch.

Do vậy, các mặt hoạt động của BĐH và cán bộ quản lý đều đi đúng hướng, vì lợi ích chung của Công ty, của Cổ đông, tuân thủ Nghị quyết của Đại hội Cổ đông, của HĐQT và đúng pháp luật, chưa có trường hợp nào sai trái, mang tính chất vụ lợi.

+ Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành của Công ty là hai thành viên đại diện cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và một thành viên đại diện cho Công ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục Đà Nẵng. Ba thành viên này tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT được tổ chức và rất có trách nhiệm trong việc thảo luận, phát biểu ý kiến của mình về vấn đề mà cuộc họp bàn bạc.

Ngoài ra, các thành viên trên còn tích cực và thường xuyên, nắm bắt các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty để có đề xuất phát huy hoặc chấn chỉnh một cách kịp thời

+ Ban Kiểm soát Công ty gồm có 03 thành viên. Trong đó không có thành viên nào kiêm nhiệm các chức vụ điều hành Công ty.

+ Hoạt động của Ban kiểm soát :

- Với chức năng - nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát Công ty đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Trên cơ sở đó, từng thành viên luôn bám sát tình hình thực tế để giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc, cũng như xem xét tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và tính cần trọng trong quản lý, điều hành Công ty.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty. Cùng với đơn vị kiểm toán, kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và năm của Công ty

- Trên cơ sở nắm chắc tình hình thực tế, hàng quý Ban kiểm soát tiến hành họp và đề xuất những kiến nghị cho HĐQT, cổ đông để sửa đổi, bổ sung nếu thấy chưa hợp lý.

- Hàng tháng, quý trực tiếp tham gia kiểm kê quỹ tiền mặt, tiền gửi, kho hàng hóa.

- Hàng quý, năm Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định và có ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh.

+ Thù lao của Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát: Tổng tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020 là: 71.520.000đ

+ Lương của Ban điều hành : Tổng tiền lương của Ban Giám đốc nhận trong năm 2020 là : 483.590.500đ, Trong đó:

Giám đốc: 280.264.000đ

Kế toán trưởng: 203.326.500đ

+ Tiền thưởng : Được hưởng theo Quy chế khen thưởng chung của Công ty.

+ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không

+ Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: không.

Số: 167/2021/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 08/03/2021 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Đã ký

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 03 năm 2021

Đã ký

Thái Thị Ánh Nhung – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3313-2020-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

NĂM 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VNI
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.500.196.182	12.404.796.39
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.053.287.481	1.336.339.54
1. Tiền	111	5	2.053.287.481	1.336.339.54
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.000.000.000	2.000.000.00
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	4.000.000.000	2.000.000.00
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.306.941.164	1.979.797.95
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.091.864.029	1.784.373.20
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	13.846.778	14.463.78
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	287.312.266	261.548.98
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(86.081.909)	(80.588.018)
IV. Hàng tồn kho	140	11	5.122.183.931	7.055.741.20
1. Hàng tồn kho	141		5.369.355.973	7.279.863.17
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(247.172.042)	(224.121.977)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.783.606	32.917.69
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	17.783.606	32.917.69
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.311.415.028	4.550.252.06
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	
II. Tài sản cố định	220		4.165.283.158	4.492.447.95
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	901.557.963	1.131.326.48
- Nguyên giá	222		5.668.238.150	5.668.238.150
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.766.680.187)	(4.536.911.663)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	3.263.725.195	3.361.121.46
- Nguyên giá	228		4.038.215.400	4.038.215.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(774.490.205)	(677.093.933)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		146.131.870	57.804.11
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	146.131.870	57.804.11
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		17.811.611.210	16.955.048.45

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.241.671.407	3.962.262.172
I. Nợ ngắn hạn	310		4.193.671.407	3.674.262.172
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.135.184.838	2.353.148.535
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	90.539.548	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	123.261.525	62.587.960
4. Phải trả người lao động	314		1.451.122.770	909.694.176
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		199.416	334.114
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	33.145.455	31.563.636
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	233.550.186	130.122.481
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	10.000.000	10.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		116.667.669	176.811.270
II. Nợ dài hạn	330		48.000.000	288.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	48.000.000	288.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.569.939.803	12.992.786.286
I. Vốn chủ sở hữu	410		13.569.939.803	12.992.786.286
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	11.264.740.000	11.264.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.264.740.000	11.264.740.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	801.184.688	801.483.989
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	1.504.015.115	926.562.297
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ tru	421a		138.928.399	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.365.086.716	926.562.297
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		17.811.611.210	16.955.048.458

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

NĂM 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	62.033.728.271	50.343.569.623
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.328.571	2.476.650
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		62.032.399.700	50.341.092.973
4. Giá vốn hàng bán	11	25	55.380.001.250	44.876.946.411
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		6.652.398.450	5.464.146.562
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	468.198.846	269.588.690
7. Chi phí tài chính	22	27	123.260.625	101.144.650
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		123.260.625	101.144.650
8. Chi phí bán hàng	25	28.a	2.956.349.715	2.324.137.290
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	2.549.005.016	2.474.432.797
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.491.981.940	834.020.515
11. Thu nhập khác	31	29	125.813.620	635.515.091
12. Chi phí khác	32	30	20.329.302	87.528.612
13. Lợi nhuận khác	40		105.484.318	547.986.479
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.597.466.258	1.382.006.994
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	232.379.542	291.933.703
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.365.086.716	1.090.073.291
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.212	871
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	1.212	871

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

NĂM 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		61.816.953.280	50.437.407.387
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(55.888.024.310)	(48.447.660.618)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.704.623.767)	(2.151.526.874)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	26	(123.395.323)	(100.810.536)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(230.339.722)	(301.813.761)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.018.867.491	2.439.529.103
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.670.069.695)	(1.556.488.797)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.219.367.954	318.635.904
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		-	(50.000.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6	(8.000.000.000)	(5.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6	6.000.000.000	5.500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,26	290.301.280	166.457.915
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.709.698.720)	616.457.915
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		44.937.767.725	14.010.131.624
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(44.937.767.725)	(14.000.131.624)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19,21	(792.721.300)	(675.219.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(792.721.300)	(665.219.400)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		716.947.934	269.874.419
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.336.339.547	1.066.465.128
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		2.053.287.481	1.336.339.547

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Định tại Quyết định số 485/QĐ-CTUBND ngày 28/02/2007 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 3503000141 ngày 02/07/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này được điều chỉnh gần nhất vào ngày 08/06/2016), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em; Mua bán văn hóa phẩm, vật phẩm văn hóa; mua bán thiết bị dạy học, dạy nghề và thiết bị văn phòng; Mua bán sách giáo khoa, sách các loại, văn phòng phẩm; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- In ấn. Chi tiết: In lụa;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lập trình máy vi tính. Chi tiết: Sản xuất phần mềm tin học;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, vật tư ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán bao bì các loại;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất bao bì các loại;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tẻt bện. Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;

(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện và giấy phép theo quy định của pháp luật);

- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế, và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời

hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Phương tiện vận tải	8 - 10

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);

- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu ích ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính.

Thời gian khấu hao TSCĐ vô hình tại công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	5

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;

- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, thiết bị đồ dùng dạy học, từ điển: Áp dụng thuế suất là 5%;
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất 20%. Năm 2020, Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp do có doanh thu không vượt quá 200 tỷ đồng theo hướng dẫn tại Nghị định 114/2020 NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	333.318.694	60.630.044
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.719.968.787	1.275.709.503
Cộng	2.053.287.481	1.336.339.547

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	4.000.000.000	4.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	4.000.000.000	4.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000

(*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các Ngân hàng. Giám đốc đánh giá rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm, tổn thất về giá trị.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
Lê Chương Thảo	542.379.758	361.277.771
Mai Thị Ngọc Nga	522.343.566	372.198.623
Các đối tượng khác	1.027.140.705	1.050.896.812
Cộng	2.091.864.029	1.784.373.206

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Văn phòng Luật sư Võ Luật	10.000.000	10.000.000
Các đối tượng khác	3.846.778	4.463.782
Cộng	13.846.778	14.463.782

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu Công đoàn Công ty	157.738.000	-	179.643.000	(1.443.000)
Lãi dự thu	109.633.328	-	70.565.277	-
Phải thu khác	19.940.938	-	11.340.706	-
Cộng	287.312.266	-	261.548.983	(1.443.000)

10. Dự phòng phải thu khó đòi**a. Ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	86.081.909	80.588.018
- Từ 3 năm trở lên	86.081.909	61.143.440
- Các khoản khác	-	19.444.578
Cộng	86.081.909	80.588.018

b. Nợ xấu

	31/12/2020			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	82.235.131	-		
- Nguyễn Thị Liễu	54.457.162	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Nguyễn Thị Diệu	27.777.969	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
Trả trước cho người bán	3.846.778	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
Cộng	86.081.909	-		

	01/01/2020			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	83.631.631	8.333.391		
- Nguyễn Thị Liễu	55.853.662	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Nguyễn Thị Diệu	27.777.969	8.333.391	Từ 2-3 năm	Thu hồi chậm
Trả trước cho người bán	3.846.778	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
Phải thu khác (công đoàn Công ty)	179.643.000	178.200.000	Trên 3 năm	Thu hồi chậm
Cộng	267.121.409	186.533.391		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào giá gốc của khoản công nợ trừ đi mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

11. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	127.393.602		47.335.298	-
Công cụ, dụng cụ	3.839.114	-	6.244.950	-
Thành phẩm	55.139.376	-	21.183.039	-
Hàng hóa	5.182.983.881	(247.172.042)	7.205.099.890	(224.121.977)
Cộng	5.369.355.973	(247.172.042)	7.279.863.177	(224.121.977)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2020 là 260.363.265 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch giảm giá để thanh lý đối với các mặt hàng có thể tiêu thụ và hủy bỏ đối với các mặt hàng còn lại.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, đảm bảo các khoản nợ tại ngày 31/12/2020.

12. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí bảo hiểm	14.658.606	14.468.947
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.125.000	18.448.747
Cộng	17.783.606	32.917.694

b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	122.894.548	23.660.558
Chi phí sửa chữa văn phòng	15.323.572	32.117.552
Phí sử dụng đường bộ	7.913.750	2.026.000
Cộng	146.131.870	57.804.110

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	4.441.119.059	1.152.119.091	75.000.000	5.668.238.150
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	4.441.119.059	1.152.119.091	75.000.000	5.668.238.150
Khấu hao				
Số đầu kỳ	4.105.930.745	355.980.918	75.000.000	4.536.911.663
Khấu hao trong kỳ	104.473.860	125.294.664	-	229.768.524
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	4.210.404.605	481.275.582	75.000.000	4.766.680.187
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	335.188.314	796.138.173	-	1.131.326.487
Số cuối kỳ	230.714.454	670.843.509	-	901.557.963

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 34.238.031 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 2.474.912.011 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2020.
- Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	3.988.215.400	50.000.000	4.038.215.400
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	3.988.215.400	50.000.000	4.038.215.400
Khấu hao			
Số đầu kỳ	677.093.933	-	677.093.933
Khấu hao trong kỳ	80.729.605	16.666.667	97.396.272
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	757.823.538	16.666.667	774.490.205
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	3.311.121.467	50.000.000	3.361.121.467
Số cuối kỳ	3.230.391.862	33.333.333	3.263.725.195

- Quyền sử dụng đất tại Hiệu sách An Nhơn có nguyên giá 187.048.000 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 08/03/2050.

- Quyền sử dụng đất tại Hiệu sách Hoà Nhon có nguyên giá 112.815.400 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 28/03/2051.
- Quyền sử dụng đất tại 414 Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định có nguyên giá 3.688.352.000 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 23/12/2061.
- Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2020.
- Không có TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH In-SX-TM và DV Hưng Phát	267.845.545	417.184.040
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TPHCM	569.858.964	61.620.499
Các đối tượng khác	1.297.480.329	1.874.343.996
Cộng	<u>2.135.184.838</u>	<u>2.353.148.535</u>

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Công ty đầu tư	64.420.673	104.773.824
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung Công ty đầu tư	-	21.695.415
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP HCM	Chung Công ty đầu tư	569.858.964	61.003.495
Các Công ty khác	Chung Công ty đầu tư	57.718.607	68.347.472
Cộng		<u>691.998.244</u>	<u>255.820.206</u>

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Đại lý - Nhà sách Phượng Thảo	41.760.000	-
Lê Thị Mỹ Thành	10.440.000	-
Nhà sách Tuyết Vân	24.666.000	-
Nhà Sách Hòa Phú	10.440.000	-
Các đối tượng khác	3.233.548	-
Cộng	<u>90.539.548</u>	<u>-</u>

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	3.662.636	367.702.223	317.245.647	54.119.212
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.601.555	232.379.542	230.339.722	51.641.375
Thuế thu nhập cá nhân	9.323.769	35.466.673	27.289.504	17.500.938
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	293.818.886	293.818.886	-
Thuế môn bài	-	12.000.000	12.000.000	-
Cộng	62.587.960	941.367.324	880.693.759	123.261.525

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Doanh thu cho thuê tài sản nhận trước	33.145.455	31.563.636
Cộng	33.145.455	31.563.636

19. Phải trả khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Kinh phí công đoàn	8.471.605	9.995.481
Nhận ký cược, ký quỹ	120.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	105.078.581	120.127.000
- Cổ tức phải trả	17.145.500	21.335.000
- Phải trả khác	87.933.081	98.792.000
Cộng	233.550.186	130.122.481

b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	48.000.000	288.000.000
Cộng	48.000.000	288.000.000

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	10.000.000	44.937.767.725	44.937.767.725	10.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Bình Định	10.000.000	44.937.767.725	44.937.767.725	10.000.000
Cộng	10.000.000	44.937.767.725	44.937.767.725	10.000.000

21. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	11.264.740.000	725.769.052	707.042.390	12.697.551.442
Tăng trong kỳ	-	75.714.937	1.090.073.291	1.165.788.228
Giảm trong kỳ	-	-	870.553.384	870.553.384
Số dư tại 31/12/2019	11.264.740.000	801.483.989	926.562.297	12.992.786.286
Số dư tại 01/01/2020	11.264.740.000	801.483.989	926.562.297	12.992.786.286
Tăng trong kỳ	-	(299.301)	1.365.086.716	1.364.787.415
Giảm trong kỳ	-	-	787.633.898	787.633.898
Số dư tại 31/12/2020	11.264.740.000	801.184.688	1.504.015.115	13.569.939.803

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	4.525.230.000	4.525.230.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.739.510.000	6.739.510.000
Cộng	11.264.740.000	11.264.740.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.126.474	1.126.474
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu phổ thông	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu phổ thông	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	926.562.297	707.042.390
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.365.086.716	1.090.073.291
Phân phối lợi nhuận	787.633.898	870.553.384
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	787.633.898	707.042.390
+ Trả cổ tức cho các cổ đông	788.531.800	675.884.400
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	(299.301)	21.211.272
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(598.601)	9.946.718
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	163.510.994
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	54.503.665
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	109.007.329
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	1.504.015.115	926.562.297

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 31/03/2020.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 31/03/2020 đã thông qua phương án chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 với tỷ lệ 7% vốn điều lệ (tương ứng 788.531.800 đồng). Theo đó, Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong năm 2020.

22. Tài sản nhận giữ hộ

Tài sản nhận giữ hộ Nhà nước là giá trị còn lại của các tài sản khi cổ phần hóa doanh nghiệp, số tiền 8.252.589 đồng; trong đó, giá trị còn lại của gian cuối nhà làm việc tầng 3, số 120 Lê Lợi là 3.985.929 đồng và giá trị còn lại của cửa hàng Vân Canh là 4.266.660 đồng.

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán sách	44.241.382.000	34.590.869.949
Doanh thu thiết bị giáo dục	16.352.473.669	14.392.880.852
Doanh thu khác (gỗ, mộc, cho thuê mặt bằng)	1.439.872.602	1.359.818.822
Cộng	62.033.728.271	50.343.569.623

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2020	Năm 2019
Hàng bán bị trả lại	1.328.571	2.476.650
Cộng	1.328.571	2.476.650

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn bán sách	40.625.073.499	31.721.638.869
Giá vốn thiết bị giáo dục	14.446.008.951	12.775.885.690
Giá vốn khác (gỗ, mộc, cho thuê mặt bằng)	285.868.735	375.589.530
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	23.050.065	3.832.322
Cộng	55.380.001.250	44.876.946.411

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	329.369.331	219.470.415
Chiết khấu thanh toán	138.829.515	50.118.275
Cộng	468.198.846	269.588.690

27. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí lãi vay	123.260.625	101.144.650
Cộng	123.260.625	101.144.650

28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân công	2.287.222.778	1.942.900.526
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	217.014.492	106.193.035
Các khoản khác	452.112.445	275.043.729
Cộng	2.956.349.715	2.324.137.290

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân công	1.239.049.334	1.196.936.518
Chi phí thuê đất	253.047.941	246.929.282
Các khoản khác	1.056.907.741	1.030.566.997
Cộng	2.549.005.016	2.474.432.797

29. Thu nhập khác

	Năm 2020	Năm 2019
Thu tiền điện, nước	44.039.554	38.432.307
Tiền hỗ trợ tuyên truyền, quảng cáo	9.111.818	100.013.182
Các khoản thu nhập khác	72.662.248	497.069.602
Cộng	125.813.620	635.515.091

30. Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
Phí quản lý niêm yết, phí chốt quyền	20.000.000	25.000.000
Các khoản chi phí khác	329.302	62.528.612
Cộng	20.329.302	87.528.612

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.597.466.258	1.382.006.994
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	62.387.614	107.591.562
- Điều chỉnh tăng	62.387.614	107.591.562
+ Chi phí niêm yết, phí chốt quyền	20.000.000	25.000.000
+ Phụ cấp Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	42.071.000	36.957.000
+ Phạt chậm nộp, truy thu thuế	316.614	45.634.562
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1.659.853.872	1.489.598.556
Chi phí thuế TNDN	331.970.774	
Thuế TNDN được giảm 30% theo NĐ 114/2020	99.591.232	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	232.379.542	291.933.703

Trong đó:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	232.379.542	297.919.711
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	(5.986.008)

32. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.365.086.716	1.090.073.291
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(109.007.329)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	109.007.329
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.365.086.716	981.065.962
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.126.474	1.126.474
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.212	871

Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2020 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi. Kế hoạch Đại hội Cổ đông của Công ty không quy định tỷ lệ trích lập quỹ cụ thể. Hàng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đã đạt được, ban điều hành sẽ đề xuất tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cụ thể.

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	181.995.854	216.682.962
Chi phí nhân công	3.532.782.112	3.146.867.043
Chi phí khấu hao tài sản cố định	327.164.796	310.498.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	294.054.534	330.513.576
Chi phí khác bằng tiền	1.483.688.616	1.176.296.115
Cộng	5.819.685.912	5.180.857.824

34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Do đó, Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là mua bán sách và thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

35. Quản lý rủi ro**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá và rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chủ yếu mua sách giáo khoa, sách tham khảo, thiết bị giáo dục từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động kinh doanh do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Tuy nhiên, giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động, các hàng hóa thường tiêu thụ trong thời gian ngắn kể từ khi mua nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các phòng giáo dục, các trường học trong Tỉnh Bình Định, các đại lý sách, các cửa hàng sách và bán lẻ sách tại các quầy. Với đặc thù chủ yếu là khách hàng thường xuyên và giao dịch với Công ty trong nhiều năm, tình hình thanh toán tiền hàng kịp thời, Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng. Mặt khác, đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán Công ty thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.135.184.838	-	2.135.184.838
Chi phí phải trả	199.416	-	199.416
Vay và nợ thuê tài chính	10.000.000	-	10.000.000
Phải trả khác	225.078.581	48.000.000	273.078.581
Cộng	2.370.462.835	48.000.000	2.418.462.835
01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.353.148.535	-	2.353.148.535
Chi phí phải trả	334.114	-	334.114
Vay và nợ thuê tài chính	10.000.000	-	10.000.000
Phải trả khác	120.127.000	288.000.000	408.127.000
Cộng	2.483.609.649	288.000.000	2.771.609.649

Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.053.287.481	-	2.053.287.481
Đầu tư tài chính	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Phải thu khách hàng	2.009.628.898	-	2.009.628.898
Phải thu khác	129.574.266	-	129.574.266
Cộng	8.192.490.645	-	8.192.490.645

01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.336.339.547	-	1.336.339.547
Đầu tư tài chính	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng	1.709.074.966	-	1.709.074.966
Phải thu khác	81.905.983	-	81.905.983
Cộng	5.127.320.496	-	5.127.320.496

36. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Công ty liên quan	Giao dịch	Năm 2020	Năm 2019
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Mua hàng	12.746.167.594	11.475.440.525
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Mua hàng	23.275.063.049	18.116.028.546
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP HCM	Mua hàng	850.022.137	148.974.498
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Mua hàng	1.060.552.690	469.591.080

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2020	Năm 2019
Lương của Ban Giám đốc	280.264.000	290.352.000
Thù lao của Hội đồng quản trị	71.520.000	62.400.000


37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty đã có thông báo chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 7,5%) vào ngày 26/02/2021. Dự kiến chi trả vào ngày 15/04/2021. Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

38. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi AAC

GIÁM ĐỐC



Phạm Đình Chuẩn